

DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG VÀ SỐ BỔ SUNG CÂN ĐỐI
TỪ NGÂN SÁCH CẤP TRÊN CHO NGÂN SÁCH CẤP DƯỚI NĂM 2025

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số /NQ-HĐND ngày tháng năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

Đơn vị: triệu đồng.

STT	Tên đơn vị	Tổng thu NSNN trên địa bàn	Thu NSDP được hưởng theo phân cấp	Chia ra			Số bổ sung cân đối từ ngân sách cấp trên	Trong đó:		Hỗ trợ để đảm bảo mặt bằng dự toán chi NSDP	Số bổ sung mục tiêu từ ngân sách cấp trên	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang	Tổng nguồn NSDP
				Thu NSDP hưởng 100%	Thu phân chia			Số bổ sung cân đối năm đầu thời kỳ ổn định ngân sách	Bổ sung nguồn cải cách tiền lương				
					Tổng số	Trong đó: Phần NSDP được hưởng							
A	B	1	2=3+5	3	4	5	6=7+8	7	8	9	10	11	10=2+6+9
TỔNG SỐ		3,522,000	2,512,735	222,100	2,290,635	2,290,635	4,741,177	3,703,177	1,038,000	725,455	156,542	0	8,135,909
1	Thành phố Đồng Xoài	674,000	451,700	48,700	403,000	403,000	-	-	-	130,951	17,435		600,086
2	Thị xã Bình Long	308,000	246,100	27,600	218,500	218,500	275,509	183,509	92,000	48,704	4,357		574,670
3	Thị xã Phước Long	224,000	192,300	15,300	177,000	177,000	250,170	179,170	71,000	51,227	6,812		500,509
4	Huyện Đồng Phú	367,000	250,380	24,000	226,380	226,380	428,113	300,113	128,000	52,464	18,583		749,540
5	Huyện Lộc Ninh	428,000	264,830	23,100	241,730	241,730	778,297	564,297	214,000	63,513	35,607		1,142,247
6	Huyện Bù Đốp	217,000	182,600	10,200	172,400	172,400	436,846	390,846	46,000	-	11,994		631,440
7	Huyện Bù Đăng	205,000	156,150	14,400	141,750	141,750	813,970	643,970	170,000	60,186	26,979		1,057,285
8	Thị xã Chơn Thành	505,000	352,100	24,000	328,100	328,100	111,018	111,018	0	60,124	8,392		531,634
9	Huyện Hớn Quản	256,000	171,050	13,300	157,750	157,750	459,281	402,281	57,000	84,266	6,999		721,596
10	Huyện Bù Gia Mập	156,000	114,125	8,800	105,325	105,325	625,378	525,378	100,000	81,447	7,158		828,108
11	Huyện Phú Riềng	182,000	131,400	12,700	118,700	118,700	562,595	402,595	160,000	92,574	12,226		798,795